

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP.HCM
KHOA Y
BỘ MÔN NGOẠI NHÌ

ĐỀ THI LÝ THUYẾT NGOẠI NHÌ

Thời gian 30'

Ngày thi 31/05/2013

Đề A

Câu 1: Chọn câu đúng về bệnh hirschsprung

- A. Bệnh được mô tả đầu tiên do H.hirschsprung năm 1901 1886
- B. Tỷ lệ nam/ nữ: $\frac{1}{4}$ 4/1
- C C. Đại thể: đoạn vô hạch đoạn dưới đường kính hẹp. đoạn chuyển tiếp hình phễu. đoạn ruột lành bên trên giãn to, thành dày, nhiều mạch máu TB. (80%)
- D. Các thể loại bệnh lý tùy thuộc chiều dài đoạn vô hạch. Thường gặp nhất là loại ngắn và loại dài
- E. Vi thể: không có sự hiện diện của tế bào hạch(nhuộm với hematoxyline-eosine). Dây thần kinh có myeline 0.8

Câu 2: Triệu chứng cơ năng quan trọng của bệnh hirschsprung

- A A. Rối loạn đi tiêu: chậm tiêu phân su sau 24h. sau đó táo bón trường diễn
- B. Chướng bụng
- C. Nôn
- D. Tiêu chảy
- E. Dấu hiệu "tháo cống"

Câu 3: Cận lâm sàng để chẩn đoán bệnh hirschsprung, chọn câu đúng nhất

- A. X Quang bụng không sửa soạn thường không có giá trị
- B B. Chụp cản quang đại tràng cho thấy sự chênh lệch đường kính rõ ràng trong tất cả các thể bệnh
- D C. Đo áp lực hậu môn trực tràng: có phản xạ ức chế hậu môn trực tràng
- D. Sinh thiết: có độ chính xác cao nhất
- E. Tất cả đều đúng

Câu 4: Biến chứng thường gặp trong bệnh hirschsprung, chọn câu sai

- A. Viêm ruột non đại tràng
- B. Nhiễm trùng nhiễm độc nặng
- E C. Thủng ruột: trong 3 tháng tuổi đầu, thường ở vùng chuyển tiếp và manh tràng hay ruột thừa
- D. Nhiễm trùng huyết: Gram âm
- E. Không câu nào đúng

Câu 5: Nguyên tắc phẫu thuật của bệnh hirschsprung, chọn câu sai

- A. Cắt bỏ đoạn hẹp vô hạch kèm đoạn chuyển tiếp và một phần phình giãn
- C B. Tái lập lưu thông đường tiêu hóa
- C. Làm hậu môn tạm trên dòng để bảo vệ miệng nối bên dưới trong tất cả các trường hợp

Điều trị sớm triệt để và một thì

- D. Giảm áp và bảo toàn cơ thắt trong hậu môn
- E. Tránh gây tổn thương thần kinh niệu-dục vùng chậu

Câu 6: Nang đường mật, chọn câu đúng nhất

- ☒ A. Nang đường mật được định nghĩa là tình trạng dẫn bẩm sinh dạng cầu hay dạng thoi của đường mật trong gan và ngoài gan, mà không có sự tắc nghẽn nguyên phát của ống mật chủ

- B. Thường gặp ở các nước Tây Âu *Đông*
- C. Ưu thế ở phái nam *nu? 4/1*
- D. < 50% trường hợp phát hiện trước 10 tuổi *= 50%*
- E. Tất cả đều sai

Câu 7: Phân loại nang đường mật, chọn câu sai **Loại 2: Túi thừa OMC**

- A. Bảng phân loại thường dùng nhất là bảng của tác giả Todani

- ☒ B. Loại I: nang ống mật chủ đơn thuần
- ☒ C. Loại II: sa ống mật chủ *III*
- D. Loại IV: nang ống mật chủ kết hợp nang đường mật trong gan
- E. Thường gặp nhất là loại I và IV *(<95%)*

Câu 8: Triệu chứng lâm sàng của nang đường mật, chọn câu đúng nhất

- A. Tam chứng cổ điển: vàng da, sốt và đau hạ sườn phải
- ☒ B. ở trẻ sơ sinh và trẻ lớn, vàng da dai dẳng kèm tiêu phân bạc màu
- ☒ C. đau bụng là dấu hiệu rất trung thành ở trẻ lớn
- D. u hạ sườn phải thường chắc, bề mặt lồi nhô *nhau?*
- E. không câu nào đúng

Câu 9: Xét nghiệm nào sau đây ít dùng trong chẩn đoán nang đường mật ở trẻ em

- A. siêu âm bụng
- ☒ B. X quang đường mật trong khi mổ *chỉ có gt ở ksát đg mật kế mổ*
- C. Chụp mật-tụy cộng hưởng từ *o có gt Δ*
- D. Chụp cắt lớp điện toán
- E. Chụp mật tụy ngược dòng qua nội soi

Câu 10: Điều trị triệt để nang đường mật, chọn câu đúng nhất

- A. Cắt toàn bộ túi mật + nối ống gan chung – hồng tràng theo Roux en Y hay nối ống gan chung – tá tràng qua trung gian một đoạn hồng tràng ✓
- B. Cắt toàn bộ nang và túi mật + nối ống mật chủ với hồng tràng theo Roux en Y hay nối ống mật chủ – tá tràng qua trung gian một đoạn hồng tràng ✓
- ☒ C. Cắt toàn bộ nang và túi mật + nối ống gan chung – hồng tràng theo Roux en Y hay nối ống gan chung – tá tràng qua trung gian một đoạn hồng tràng
- D. Cắt toàn bộ nang và túi mật + nối ống gan – hồng tràng hay nối ống gan – tá tràng qua trung gian một đoạn hồng tràng
- E. Tất cả đều sai

Câu 11: Tắc khúc nối bể thận niệu quản

- A. Làm giảm tốc độ lọc của quả cầu

E

- B. Thay đổi kích thước bể thận
- C. Gây ra đau bụng
- D. Có thể phát hiện trước sinh
- E. Tất cả đúng

Câu 12: Chọn câu sai

D

- A. Nguồn gốc của nhu động bể thận bắt đầu từ ống góp
- B. Khi niệu quản co bóp khúc nối đóng lại không cho nước tiểu đi chuyển ngược lên
- C. U bụng là triệu chứng của thận ứ nước
- D. Chụp CT-Scan là xét nghiệm chính xác nhất để chẩn đoán thận ứ nước
- E. Siêu âm giúp phát hiện thận ứ nước sớm nhất

Câu 13: Thận bắt đầu bài tiết nước tiểu từ tuần lễ thứ:

A

- A. 10
- B. 12
- C. 14
- D. 16
- E. 18

Câu 14: Dẫn đường tiết niệu trên có nghĩa là

E

- A. Sự rộng hóa đường tiết niệu chưa hoàn chỉnh
- B. Sự trưởng thành chậm của đường tiết niệu
- C. Đã có tắc ở bên dưới
- D. Chưa chắc chắn, có thể thay đổi theo thời gian, tốt hoặc xấu hơn
- E. Tất cả đúng

?

Câu 15: Có thể phát hiện ứ nước ở thận thai nhi tuần lễ thứ:

A

- A. 15
- B. 18
- C. 20
- D. 25
- E. 30

Câu 16: Dấu hiệu nào sau đây gợi ý có tắc đường tiết niệu

E

- A. Bụng chướng
- B. Đau bụng
- C. Ói
- D. Tiêu máu
- E. Tất cả đúng

Câu 17: Ưu điểm của xạ hình trong chẩn đoán tắc khúc nối bể thận niệu quản

B

- A. Ít xâm phạm
- B. Cho biết chức năng chính xác mỗi bên thận
- C. Sử dụng cho mọi lứa tuổi
- D. Phát hiện sớm
- E. Có tính phổ biến

+ có tái hay c

4-8m
7-25 phút / 1-2h

Câu 18: Dị dạng nào sau không hay phối hợp với hẹp khúc nối bể thận niệu quản

- D**
- ☒ A. Thận đa nang
 - ☐ B. Trào ngược bàng quang niệu quản
 - ☐ C. Thận và niệu quản đôi
 - ☐ D. Thận lạc chỗ
 - ☐ E. Nhóm VACTERL

Câu 19: Phim chụp bộ niệu quản đường tĩnh mạch(UIV) cho biết

- D**
- ☐ A. Hình ảnh dẫn đài bể thận
 - ☐ B. Cản quang qua khúc nối chậm (>20 phút) nếu có hẹp
 - ☐ C. Chức năng chính xác mỗi thận
 - ☒ D. A và B đúng
 - ☐ E. Tất cả đúng

Câu 20: Bệnh nào sau đây có đặc điểm lâm sàng và phương tiện chẩn đoán thận ứ nước do hẹp khúc nối

- C**
- ☐ A. Thận và niệu quản đôi
 - ☐ B. Thận đa nang
 - ☒ C. Phình niệu quản
 - ☐ D. Hẹp khúc nối bàng quang niệu quản
 - ☐ E. Trào ngược bàng quang niệu quản

Câu 21: Lồng ruột, chọn câu sai

- B**
- ☐ A. Hội chứng tắc ruột
 - ☒ B. Chỉ xảy ra ở tuổi nữ nhi
 - ☐ C. Xuất độ thường gặp ở trẻ bụ bẫm
 - ☐ D. Nam gặp nhiều hơn nữ
 - ☐ E. A, B, C, D đều sai

Câu 22: Khối lồng ruột trẻ nữ nhi thường nằm trong

- C**
- ☐ A. Hồi tràng
 - ☐ B. Hồng tràng
 - ☒ C. Đại tràng
 - ☐ D. Manh tràng
 - ☐ E. A, B, C, D đều đúng

Thường gặp nhất là lồng đoạn cuối hồi tràng vào manh tràng hay đại tràng (95%). Điểm khởi đầu là đoạn cuối hồi tràng, cách van hồi manh tràng từ 10-15cm, khối lồng đi theo khung đại tràng về phía hậu môn.

Câu 23: Chẩn đoán lồng ruột ở trẻ lớn phải dựa vào

- D**
- ☐ A. Tam chứng kinh điển: khóc thét, nôn vọt, đi cầu ra máu *như nhũ*
 - ☐ B. Triệu chứng chỉ điểm: bỏ bú sau nôn *như nhũ*
 - ☐ C. Bụng chướng căng, đi cầu máu, ói dịch xanh
 - ☒ D. Triệu chứng lâm sàng nghèo nàn, phải dựa vào cận lâm sàng
 - ☐ E. A, B, C đúng

Triệu chứng nghèo nàn, không rõ ràng, có thể chỉ đau bụng đơn thuần từng cơn, hay chỉ nôn, giống như rối loạn tiêu hóa. Chỉ được chẩn đoán xác định nhờ các xét nghiệm về HAH.

Câu 24: Chỉ định phẫu thuật trong bệnh lý lồng ruột là

- ☐ A. Đến trễ 24 h sau tiếng khóc thét đầu tiên
- ☒ B. Tháo lồng không phẫu thuật thất bại

Đến muộn sau 48h

Tắc ruột hoàn toàn trên LS và X-quang, hay đã có biến chứng thủng ruột, viêm phúc mạc, có thể có sốc

Lồng ruột non

Thất bại sau tháo lồng không mổ

- C. Khối lỏng ở ruột non
 D. A, B đúng
 E. B, C đúng
 F. A, B, C đúng

Câu 25: Triệu chứng lâm sàng ở trẻ lỏng ruột tuổi nhũ nhi người ta phải dựa vào tam chứng kinh điển là... *màu vọt hoặc thối + hiện này*... với khám thực thể thường sờ thấy... *khối lồi*... vị trí... *quả phai / hạ sườn phải*

Câu 26: Bệnh đa polyp gia đình với gen đột biến là gen APC có kết hợp với loại ung thư trẻ em nào

- A. Bướu than
 B. Bướu nguyên bào thần kinh
 C. Bướu tế bào mầm
 D. Ung thư tế bào gan
 E. Ung thư nguyên bào gan

Kingston lần đầu tiên mô tả sự kết hợp giữa bệnh đa polyp gia đình và bướu nguyên bào gan (1982). Tác giả ghi nhận bướu nguyên bào gan xảy ra ở cùng lúc anh em ruột với hội chứng này. Gen bị đột biến là gen APC (Adenomatous Polyposis Coli) ở vị trí nhiễm sắc thể 5q21.22.

Câu 27: Đặc điểm đại thể của bướu nguyên bào trẻ em

- A. Dạng nhiều khối và dính chặt nhau
 B. Dạng nhiều khối và không dính chặt nhau
 C. Một khối đặc hay vừa nang vừa đặc, có xuất huyết hoại tử
 D. Một khối và thường di căn hạch vùng
 E. Một khối nang

Câu 28: AFP là dấu hiệu sinh học có ý nghĩa trong

- A. Ung thư nguyên bào gan
 B. Bướu quái ác
 C. Bướu mầm có nguồn gốc tế bào nuôi
 D. Sarcom cơ vân dạng phôi
 E. A, B đúng

Câu 29: β -hCG có ý nghĩa trong

- A. Ung thư nguyên bào gan
 B. Bướu quái ác
 C. Bướu mầm có nguồn gốc tế bào nuôi
 D. Sarcom cơ vân dạng phôi
 E. A, B đúng

Câu 30: Hạch cổ trẻ em nghi có khả năng ác tính dựa vào

- A. Hạch lớn hoặc vẫn lớn sau khi điều trị kháng sinh 2 – 3 tuần
 B. Những hạch không lớn nhưng không giảm kích thước sau 5 – 6 tuần hoặc sau 10 – 12 tuần không trở về bình thường
 C. Những hạch có kèm triệu chứng toàn thân như sốt không giả thích được, sụt cân, gan to, lách to, hay kèm bất thường trên phim chụp ngực
 D. Những hạch vùng nách trái

E. A, B, C đúng

Câu 31: Siêu âm có vai trò trong ung bướu nhi

A. Có vai trò chẩn đoán ban đầu

B. Có vai trò trong việc khảo sát ranh giới khối u, số lượng ổ và cấu trúc liên quan

C. Quyết định phẫu thuật

D. Theo dõi định kỳ

E. A, B, D đúng

Câu 32: Khác nhau cơ bản trong thoát vị bẹn và thủy tinh mạc

A. Thành phần trong ống phúc tinh mạc

B. Thoát vị bẹn tự lành còn thủy tinh mạc thì không

C. Thời gian khởi phát bệnh khác nhau

D. Thủy tinh mạc tăng kích thước khi chạy nhảy còn thoát vị bẹn thì không

E. Cách phẫu thuật khác nhau hoàn toàn

Câu 33: Sinh lý bệnh của bệnh lý ống phúc tinh mạc

A. Tăng áp lực ổ bụng

B. Yếu thành bụng, yếu ống bẹn

C. Trẻ suy dinh dưỡng, sinh non, nhẹ cân

D. Tồn tại ống phúc tinh mạc

E. Tồn tại ống bẹn

Câu 34: Chẩn đoán phân biệt thoát vị bẹn, ngoại trừ

A. Viêm hạch bẹn búi ✓

B. Viêm mào tinh hoàn

C. Viêm tinh hoàn

D. Xoắn tinh hoàn ✓

E. Dẫn tinh mạch thường tinh

Câu 35: Dấu hiệu gợi ý xoắn tinh hoàn, chọn câu sai

A. Đau búi đột ngột, khởi phát về đêm

B. Tinh hoàn sưng đau, rút lên cao, trục xoay

C. Mất phản xạ da búi

D. Viêm sưng búi kéo dài vài ngày

E. Tiền căn tinh hoàn ỉn

Câu 36: Chỉ định mổ thoát vị bẹn khi

A. Từ 12 – 24 tháng là tốt nhất

B. Ngay khi có chẩn đoán tránh biến chứng thoát vị bẹn nghẹt

C. Thường tự lành nên không cần mổ

D. Mổ thoát vị bẹn khi có biến chứng nghẹt

E. Mổ tốt nhất là ngay sau sinh

Câu 37: Biến chứng tinh hoàn ỉn, chọn câu sai

A. Hóa ác

B. Vô sinh

- ☒ D. Xoắn tinh hoàn
- ☒ E. Thoát vị bẹn
- ☐ A, B, C đúng

Câu 38: Thời điểm mổ tinh hoàn ẩn lý tưởng

- ☒ B. 1 tuổi
- ☐ A. Sơ sinh
- ☐ C. 2 tuổi
- ☐ D. 3 tuổi
- ☐ E. Sau 5 tuổi

Câu 39: Chỉ định tuyệt đối cắt bao quy đầu

- ☐ A. Viêm bao quy đầu
- ☐ B. Dài bao quy đầu
- ☒ D. Biến chứng kén da quy đầu
- ☒ E. Viêm xơ tắc nghẽn da quy đầu
- ☐ C. Theo yêu cầu

Câu 40: Chống chỉ định cắt da quy đầu

- ☐ A. Vùi dương vật
- ☐ B. Lỗ tiểu thấp
- ☒ D. Cả A, B, C đúng
- ☐ C. Cong dương vật
- ☐ E. Tất cả sai, không có chống chỉ định